

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ BẢO LÃNH

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ
1	Phát hành bảo lãnh trực tiếp theo yêu cầu của khách hàng	
1.1	Phát hành thư bảo lãnh :	
1.1.1	Bảo lãnh được ký quỹ 100%, thời gian tính phí kể từ ngày phát hành đến ngày hết hạn hiệu lực của bảo lãnh :	
	+ Ký quỹ 100% bằng Tiền mặt hoặc từ Tài khoản không kỳ hạn tại VCB	0,05%/tháng trên trị giá bảo lãnh Tối thiểu 20 USD
	+ Bảo đảm 100% bằng Tài khoản có Kỳ Hạn/Chứng chỉ tiền gửi/Kỳ phiếu của VCB.	0,06%/tháng trên trị giá bảo lãnh Tối thiểu 30 USD
1.1.2	Bảo lãnh miễn ký quỹ hoặc ký quỹ dưới 100%, thời gian tính phí kể từ ngày phát hành đến ngày hết hạn hiệu lực của bảo lãnh :	Tối thiểu 50 USD
	+ Phần trị giá bảo lãnh được ký quỹ bằng Tiền mặt hoặc từ Tài khoản không kỳ hạn tại VCB	0,05%/tháng trên phần trị giá bảo lãnh được ký quỹ
	+ Phần trị giá bảo lãnh được bảo đảm bằng Tài khoản có Kỳ Hạn/Chứng chỉ tiền gửi/Kỳ phiếu của VCB	0,06%/tháng trên phần trị giá bảo lãnh được bảo đảm
	+ Phần trị giá bảo lãnh miễn ký quỹ hoặc được đảm bảo bằng hình thức khác (ngoài các hình thức nêu tại mục 1.1.1).	0,15%/tháng trên phần trị giá bảo lãnh miễn ký quỹ hoặc được đảm bảo bằng hình thức khác
1.2	Sửa đổi thư bảo lãnh:	
1.2.1	Sửa đổi tăng trị giá và/hoặc gia hạn : thu bổ sung phần tăng thêm .	Như mức phí phát hành thư bảo lãnh
1.2.2	Sửa đổi khác.	20 USD/lần
1.3	Hủy thư bảo lãnh:	
1.3.1	Hủy do bảo lãnh hết hiệu lực.	Miễn phí
1.3.2	Hủy do đề nghị của khách hàng.	20 USD/bảo lãnh
1.4	Thay đổi tài sản bảo đảm	Thu bổ sung phần phí tăng hoặc thu theo thoả thuận.
1.5	Thanh toán bảo lãnh	Theo Biểu phí giao dịch chuyển tiền tương ứng
2.	Phát hành bảo lãnh trên cơ sở BLDU của ngân hàng đại lý:	0,15%/tháng trên trị giá bảo lãnh

		Tối thiểu 50 USD
2.1	Sửa đổi tăng tiền và/ hoặc gia hạn ngày hiệu lực: thu bổ sung phần tăng thêm .	Như mức phí phát hành bảo lãnh trên cơ sở BLĐƯ của NHDL
2.2	Sửa đổi khác	20 USD/lần
3.	Bảo lãnh do NHDL phát hành trực tiếp cho người hưởng :	
3.1	Thông báo thư bảo lãnh	20 USD
3.2	Thông báo sửa đổi thư bảo lãnh	20 USD
3.3	Thông báo hủy bảo lãnh	20USD/lần
3.4	Thông báo điện theo yêu cầu của NHDL	20 USD/lần
4.	Đòi hộ khách hàng theo thư bảo lãnh của NH đại lý:	
4.1	Nhận và xử lý yêu cầu của khách hàng	30 USD
4.2	Thanh toán kết quả đòi tiền	0,2% trị giá đòi tiền Tối thiểu 20 USD Tối đa 200 USD
5.	Xác nhận thư bảo lãnh của NHDL	0,15%/tháng trên trị giá xác nhận bảo lãnh Tối thiểu 50 USD
6.	Phí xác nhận sửa đổi thư bảo lãnh của NHDL:	
6.1	Cho sửa đổi tăng tiền và/ hoặc gia hạn ngày hiệu lực : thu phí trên số tiền tăng thêm và/hoặc trị giá bảo lãnh được kéo dài thời hạn hiệu lực	Như phí xác nhận thư bảo lãnh của NHDL
6.2	Cho các sửa đổi khác	20 USD
7.	Kiểm tra xác nhận chữ kí hoặc chữ ký sửa đổi thư bảo lãnh của nước ngoài theo yêu cầu của khách hàng trong nước	20 USD
8.	Phát hành thư cam kết sẽ phát hành thư bảo lãnh	Theo thỏa thuận Tối thiểu 30 USD/lần
9	Điện phí	
9.1	Điện phí, Telex phí, Fax, Gửi bằng thư bảo đảm/ bằng hình thức chuyển phát nhanh	Thu theo mức phí của Bưu điện hoặc của hãng chuyển phát nhanh.
9.2	SWIFT:	
9.2.1	Trong nước:	
	- Phát hành bảo lãnh	15 USD
	- Điện khác	5 USD

9.2.2	Ngoài nước:	
	- Phát hành bảo lãnh	20 - 50 USD
	- Điện khác	10 USD
10	Dịch vụ khác	
10.1	Phát hành thư xác nhận ký quỹ :	
10.1.1	Xác nhận ký quỹ đảm bảo bằng Tài khoản Không kỳ hạn tại VCB	20 USD
10.1.2	Xác nhận ký quỹ đảm bảo bằng Tài khoản có kỳ hạn tại VCB	50 USD

Ghi chú:

1. *Mức phí quy định chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.*
2. *Mức phí chưa bao gồm điện phí, bưu phí, các trường hợp phát sinh VCB sẽ thu thêm*
3. *Phí được tính bằng VND hoặc ngoại tệ tương đương. theo tỷ giá do VCB công bố tại thời điểm thu phí*
4. *VCB không hoàn trả lại phí đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu huỷ bỏ giao dịch, giao dịch không được thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của VCB gây ra.*
5. *Biểu phí này được thay đổi mà không cần có sự báo trước của ngân hàng trừ khi ngân hàng và khách hàng có thoả thuận khác.*